

DÒNG TIỀN PHÂN HÓA

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Nhà đầu tư tiếp tục chọn lọc các mã đang có tín hiệu bật tăng từ nền hỗ trợ cứng với sự tham gia chủ động của dòng tiền và giải ngân từng phần với mục tiêu đầu tư ngắn hạn.
BÁN	Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, canh bán chốt lời một phần danh mục khi VN-Index tiến tới ngưỡng kháng cự 1.275–1.288 điểm.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

GMD

MUA

↑ 9,06%

VND72.200

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Năm (2/1), cho thấy xu thế giảm của thị trường vào cuối năm ngoái đang kéo dài sang năm 2025.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** TTCK tiếp tục ghi nhận diễn biến giằng co trong phiên giao dịch đầu tiên của năm 2025, tuy nhiên chỉ số VN-Index hồi phục mạnh ở phiên chiều và đóng cửa trong sắc xanh. Thanh khoản duy trì ở mức trung bình, trong khi đó khối ngoại lại quay lại bán ròng. Về kỹ thuật, cây nến xanh test cung với khối lượng thấp cho thấy điểm cân bằng của VN-Index đã ở gần hơn. Sự phân hóa của dòng tiền vẫn đang tiếp diễn và lực cầu giải ngân vẫn hiện hữu cho thấy VN-Index đang vận động ổn định quanh ngưỡng hỗ trợ 1260-1.265 điểm.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	42.392,27	-0,36	-0,36
S&P 500	5.868,55	-0,22	-0,22
Nasdaq	19.280,79	-0,16	-0,16
VIX	17,93	3,34	3,34
DAX	20.024,66	0,58	0,58
FTSE 100	8.260,09	1,07	1,07
CAC40	7.393,76	0,18	0,18
Hang Seng	19.623,32	-2,18	-2,18

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	55,92	BUY
MACD (12,26)	4,80	BUY
ADX (14)	11,78	NEUTRAL
SMA5	1.271,30	SELL
SMA20	1.266,99	BUY
SMA50	1.252,96	BUY
SMA100	1.262,57	BUY
SMA200	1.260,01	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Báo cáo hàng tuần từ Bộ Lao động Mỹ cho thấy số người nộp đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu giảm xuống mức thấp nhất 8 tháng là 211.000 người trong tuần trước, ít hơn con số 222.000 người mà các nhà kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Reuters.
- Đồng USD tăng giá lên mức cao nhất trong phiên ngày thứ Năm, tiếp nối đà tăng mạnh của năm 2024. Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm có thời điểm đạt gần 4,6% trước khi giảm trở lại.
- Trên thị trường năng lượng, giá dầu thô Brent giao sau tại London tăng 1,47 USD/thùng, tương đương tăng 2%, chốt ở mức 76,11 USD/thùng. Giá dầu WTI tăng 1,62 USD/thùng, tương đương tăng 2,3%, chốt ở 73,34 USD/thùng.
- Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Manufacturing Purchasing Managers' Index™ (PMI) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global trong tháng 12 đã giảm xuống dưới ngưỡng 50 điểm lần đầu tiên trong ba tháng khi đạt 49,8 điểm so với 50,8 điểm của tháng 11.
- **TNG:** Kết thúc năm 2024, Đầu tư và Thương mại TNG ước tính doanh thu đạt 7.736 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế ước tính đạt tới 315 tỷ đồng, tăng 44% so với thực hiện trong năm 2023 và đã hoàn thành 102% so với kế hoạch lãi 310 tỷ đồng trong năm 2024.
- **HPG:** Theo thông tin từ Hòa Phát, dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Dung Quất 2 đã sẵn sàng bước vào giai đoạn thử nghiệm từ đầu quý 1/2025. Điểm nhấn của dự án là dây chuyền sản xuất thép cuộn cán nóng được trang bị công nghệ châu Âu hiện đại với quy trình luyện đúc cán liên tục.
- **SBT:** CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa cho biết, ngày 13/1 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức niên độ 2022 – 2023 và niên độ 2023 – 2024. Theo đó, TTC AgriS sẽ phát hành hơn 74 triệu cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 10 cổ phiếu mới phát hành. Số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
- **HNG:** CTCP Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai công bố thông tin việc đã hoàn tất trả nợ theo Thỏa thuận cam kết ba bên (HAGL- BIDV- HAGL Agrico). Tổng số tiền đã thanh toán là 4.228 tỷ đồng. Trong đó, công ty thanh toán trực tiếp cho BIDV khoản vay trị giá 2.094 tỷ đồng và trả cho HAGL liên quan đến trái phiếu HAGLBOND16.26 phát hành năm 2016 số tiền 2.134 tỷ đồng.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.659,06	0,04	1,32
Dầu WTI	73,34	0,29	2,26
Dầu Brent	76,12	0,25	1,98
Than	124,60	-0,52	-0,52
Đồng	8.802,50	0,39	0,39
Quặng sắt	101,48	-3,20	-3,20
Thép	465,00	-1,59	-2,26

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	109,175	-0,20	0,63
USD/JPY	157,35	0,10	-0,10
USD/CNY	7,2989	0,01	0,01
EUR/USD	1,0268	0,03	-0,83
GBP/USD	1,2384	0,03	-1,05

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
STB	219,62	37.000	0,27
FPT	479,02	152.000	-0,33
HPG	402,47	27.000	1,31
SSI	232,58	25.950	-0,38
DXG	151,81	15.700	0,64

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	513.637,49	91.900	0,77
BID	263.485,08	38.200	1,73
FPT	223.602,52	152.000	-0,33
CTG	204.596,69	38.100	0,79
HPG	172.698,76	27.000	1,31

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

GMD

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng tăng tỷ trọng

Ngưỡng cắt lỗ

MUA

66.200

72.200

9,06%

65.000–65.800

<61.800

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lũy kế trong 9 tháng đầu năm 2024, Gemadept ghi nhận doanh thu tăng 21,6%, lên 3.420,55 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1.549,46 tỷ đồng. Năm 2024, Gemadept lên kế hoạch doanh thu 4.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế dự kiến 1.686 tỷ đồng. Như vậy, kết thúc 9 tháng đầu năm 2024 với lãi trước thuế đạt 1.728,38 tỷ đồng, Gemadept đã hoàn thành tới 102,5%.
- Mảng cảng biển tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của **Tập đoàn Gemadept**. Đáng chú ý, lợi nhuận gộp của mảng này (không bao gồm cảng liên doanh Gemalink) trong quý 3/2024 đã tăng tới 61% so với cùng kỳ năm ngoái.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- GMD vẫn đang trong nhịp tích lũy quanh đường MA20 và MA50 ngày. Thanh khoản đang được cải thiện trong những phiên gần đây. Nhà đầu tư đang cầm GMD có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân tăng tỷ trọng, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 65.000–65.800 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
DTT (tỷ đ)	3.898	3.846	1.264
LNTT (tỷ đ)	1.308	3.147	501
LNST (tỷ đ)	1.161	2.534	448
Nợ/VCSH (%)	26	20	18
ROE (%)	13,81	28,17	14,68
ROA (%)	8,37	16,94	9,91
EPS (VNĐ)	2.584	6.138	3554,81
P/E (lần)	15,0	9,8	18,62
P/B (lần)	1,98	2,51	2,66

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	53,97	BUY
MACD (12,26)	0,23	BUY
ADX (14)	12,52	BUY
SMA5	66.140	BUY
SMA20	66.040	BUY
SMA50	65.150	BUY
SMA100	65.750	BUY
SMA200	66.880	SELL

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	GMD	Mua	63,8-65	12/11/2024	65	70,2	61,8			1,85%
2	DPM	Nắm giữ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33			0,57%
3	VCI	Mua	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4			0,30%
4	HPG	Nắm giữ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2			1,89%
5	PVD	Mua	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4			0,64%
6	VPB	Mua	18,8-19	17/12/2024	19	20,5	17,9			0,79%
7	TCB	Nắm giữ	23,5-23,9	19/12/2024	23,8	26,3	22,7			2,31%
7	SZC	Mua	41-42	19/12/2024	42	45,8	40			1,19%
8	SSI	Mua	25,5-26	19/12/2024	25,8	28,6	24,8			0,58%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
2	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
3	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
4	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
5	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
6	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
7	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
8	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
9	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
10	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%
11	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
12	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
13	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
14	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
15	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	9,52%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị ngày 30/10/2024

NHCP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đỉnh 14	-12%
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-12%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-18-37%
MICP	NSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	Cổ bản ĐCA (41-62)	-5%
Chốt lời 1:(50%)	Đỉnh 59	-12%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Nằm gần	
MICP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-4-4%
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-13%-14%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	🕒 99800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (lấy tiền)	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4,439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5,830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room